

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HOA SINH  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH  
 Mã số thuế: 23722  
 Ngày 16 tháng 8 năm 2010  
 Chi tiêu

	TM	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	V.18	189.377.676.448	158.122.187.103	351.575.808.441	391.850.921.396
02 Các khoản giảm trừ	V.19	-	393.286.800	-	393.286.800
10 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	V.20	189.377.676.448	157.728.900.303	351.575.808.441	391.257.634.596
11 Giá vốn hàng bán	V.21	164.001.464.433	141.740.833.169	309.284.344.564	352.576.271.479
20 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		25.376.212.015	15.988.067.134	42.291.463.877	38.681.363.117
21 Doanh thu hoạt động tài chính	V.22	518.761.666	135.455.747	592.668.588	270.602.416
22 Chi phí tài chính	V.23	19.350.738.652	8.923.162.289	27.704.186.006	25.338.755.099
Trong đó: chi phí lãi vay		18.503.811.572	8.652.039.136	26.857.260.926	24.530.369.165
24 Chi phí bán hàng		1.884.220.250	2.228.754.440	3.267.371.392	2.984.863.119
25 Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.140.629.371	2.127.272.747	4.639.315.534	3.908.161.855
30 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.519.385.408	2.844.333.405	7.273.257.533	5.720.185.460
31 Thu nhập khác		1.232.584.143	21.295	1.354.086.532	153.781.644
32 Chi phí khác		13.914.501	12.472.424	49.253.252	12.472.424
40 Lợi nhuận khác		1.218.669.642	(12.451.129)	1.304.836.280	141.309.220
50 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.738.055.050	2.831.882.276	8.578.092.813	5.861.494.680
51 Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.24	980.419.885	329.058.473	1.109.892.083	566.174.911
52 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	V.29	-	-	-	-
60 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.757.635.165	2.502.823.803	7.468.200.730	5.295.319.769
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-	-	-
- Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2.757.635.165	2.502.823.803	7.468.200.730	5.295.319.769
63 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.25	279	251	755	530

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

TRƯƠNG THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Giám đốc



ĐỖ VĂN NGỌC

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP &amp; PHẦN BÓN HÓA SINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 2 Năm 2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	480.803.649.467	389.531.589.501
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(299.848.079.551)	(323.955.700.975)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.121.632.166)	(2.538.676.750)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(21.198.057.600)	(16.216.316.765)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(803.788.062)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	39.989.740.202	123.868.339.700
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(81.886.265.951)	(29.502.413.130)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>110.935.566.339</b>	<b>141.186.801.581</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.719.756.370)	(664.605.770)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.059.378.461	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.469.282	127.334.238
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(572.908.627)</b>	<b>(537.271.532)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	227.873.461.973	122.435.280.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.550.673.280)	(268.912.887.100)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.730.508.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(103.407.719.307)</b>	<b>(146.477.607.100)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.954.938.405	(5.828.077.051)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>13.619.807.998</b>	<b>9.215.038.633</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.677.954.489)	(678.253.670)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>10.896.791.914</b>	<b>2.708.707.912</b>

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
 TRƯƠNG THỊ HẠNH

  
 NGUYỄN ANH PHƯƠNG

  
 ĐỖ VĂN NGỌC



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Chờ ký kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

SỐ GIẤY TỜ KẾ TOÁN KHOẢN  
 TP. HỒ CHÍ MINH

**ĐẾN** Số: 24098  
 Ngày 17 tháng 8 năm 2010  
 Chỉ tiêu

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tiền: VND
			30/06/2010
			01/08/2010
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>676.629.297.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.619.807.998</b>
1. Tiền	111	V.1	13.619.807.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		-
2. Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	129		-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>318.154.919.458</b>
1. Phải thu khách hàng	131		316.392.755.178
2. Trả trước cho người bán	132		1.135.578.446
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	626.585.834
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>326.791.968.281</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	326.791.968.281
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.062.601.925</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		563.894.958
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.539.903.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	3.958.803.423

S. B. K. M.

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2010	01/01/2010
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80.623.738.692</b>	<b>82.950.980.405</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.523.672.692</b>	<b>81.275.014.405</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	62.793.207.584	65.559.283.261
- Nguyên giá	222		107.534.831.349	106.925.948.622
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44.741.623.765)	(41.366.665.361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	15.730.465.108	15.715.731.144
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.003.195.000</b>	<b>1.578.195.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		425.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1.578.195.000	1.578.195.000
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>96.871.000</b>	<b>96.871.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.10	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.16	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273		96.871.000	96.871.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)</b>	<b>280</b>		<b>643.132.208.651</b>	<b>759.579.378.067</b>

10/30  
 CÔNG  
 PHÁP  
 CÔNG  
 PHÁP  
 HO  
 CỤC



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính VND	
			30/06/2010	01/07/2010
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>				
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	473.758.011.973	550.435.223.280
2. Phải trả người bán	312		15.914.003.013	59.932.363.638
3. Người mua trả tiền trước	313		4.645.654.222	2.953.111.037
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	967.442.359	2.405.543.730
5. Phải trả người lao động	315		458.578.725	987.569.337
6. Chi phí phải trả	316	V.13	3.256.278.847	6.966.850.942
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	11.644.903.805	3.566.392.325
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>				
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		492.324.417	509.902.042
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.952.300.000	8.952.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(6.466.053.344)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.582.360.607	10.239.280.607
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.552.277.279	3.949.287.279
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(44.936.931)	(53.171.911)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.617.851.783	16.042.309.053
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>				
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		727.683.450	550.994.950
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>				
	510		<u>643.132.208.651</u>	<u>759.579.378.067</u>

1733  
 AT TI  
 TP V  
 ĐÓN  
 SINH  
 T.Đ.V


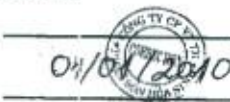
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP &amp; PHÂN BÓN HOA SINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh		
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		140.047.392	140.047.392
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5.093.849.133	5.093.849.133
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



TRƯƠNG THỊ HẠNH

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

ĐỖ VĂN NGỌC





**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Kết thúc ngày 30/06/2010

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xi nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

#### **Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 30/06/2010 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

#### **Số lượng các Công ty được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**

Công ty TNHH một thành viên Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên (Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ là 100%)

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính:**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.





**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Kết thúc ngày 30/06/2010

## 2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08-33 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

01  
 02  
 03  
 04  
 05  
 06  
 07  
 08  
 09  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Kết thúc ngày 30/06/2010

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất vì khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

13/06/2010  
 T. V. C. N.  
 T. P. V.



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kết thúc ngày 30/06/2010

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:





**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Kết thúc ngày 30/06/2010

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;  
 - Chi phí cho vay và đi vay vốn;  
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;  
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.  
 Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **14. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán có liên quan.

### **15. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

### **17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

#### ***Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
  - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
  - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

#### ***Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

TH + S&K

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Kết thúc ngày 30/06/2010

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
  - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

16/08/2010  
CÔNG  
TY PHÂN  
BÓN  
HÓA SINH  
CỦ CHI  
TP. HCM



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

	30/06/2010	01/01/2010
<b>1. TIỀN</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Tiền mặt	1.883.472.377	6.291.551.082
Tiền gửi ngân hàng	9.013.319.537	7.328.256.916
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>10.896.791.914</u></b>	<b><u>13.619.807.998</u></b>
<b>2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận đã tạm chia	-	-
Phải thu người lao động (thuế thu nhập cá nhân)	-	-
Nguồn kinh phí	-	-
Phải thu về BHXH	-	-
Các khoản phải thu khác	399.759.083	626.585.834
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>399.759.083</u></b>	<b><u>626.585.834</u></b>
<b>3. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Hàng gửi đi bán	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	234.494.566.924	280.984.504.009
Công cụ, dụng cụ	-	95.528.567
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	58.226.889.869	45.501.093.605
Hàng hóa	661.922.100	210.842.100
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>293.383.378.893</u></b>	<b><u>326.791.968.281</u></b>
<b>4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	3.160.537.218	2.535.405.648
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.682.587.500	1.423.397.775
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.843.124.718</u></b>	<b><u>3.958.803.423</u></b>
<b>5. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

T.Đ. 20.06.10

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	58.164.697.392	24.484.112.889	21.667.623.263	1.985.778.078	623.737.000	106.925.948.622
2. Số tăng trong kỳ	-	812.757.798	906.998.572	-	-	1.719.756.370
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua sắm mới	-	608.882.727	-	-	-	608.882.727
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	203.875.071	906.998.572	-	-	1.110.873.643
3. Số giảm trong kỳ	-	89.589.357	1.021.284.286	-	-	1.110.873.643
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	89.589.357	1.021.284.286	-	-	1.110.873.643
4. Số dư cuối kỳ	58.164.697.392	25.207.281.330	21.553.337.549	1.985.778.078	623.737.000	107.534.831.349
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	19.398.404.409	13.315.685.617	7.237.161.378	1.354.912.002	60.501.955	41.366.665.361
2. Khấu hao trong kỳ	1.438.932.404	1.105.016.456	1.539.865.954	93.366.570	64.709.622	4.241.891.006
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao trong kỳ	1.438.932.404	962.758.442	815.191.366	93.366.570	64.709.622	3.374.958.404
- Tăng khác	-	142.258.014	724.674.588	-	-	866.932.602
3. Giảm trong kỳ	-	89.589.357	777.343.245	-	-	866.932.602
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	89.589.357	777.343.245	-	-	866.932.602
4. Số dư cuối kỳ	20.837.336.813	14.331.112.716	7.999.664.067	1.448.278.572	125.211.577	44.741.623.765
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	38.766.292.983	11.168.427.272	14.430.461.885	630.866.076	563.235.045	65.559.283.261
2. Tại ngày cuối kỳ	37.327.360.579	10.876.168.614	13.553.653.462	537.499.506	498.525.423	62.793.207.584





**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số dư đầu năm	85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm		-
<i>Bao gồm:</i>		
- Mua trong năm	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-
- Tăng do hợp nhất KD	-	-
- Tăng khác	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
<i>Bao gồm:</i>		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
4. Số dư cuối năm	85.000.000	85.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
<i>Bao gồm:</i>		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
4. Số dư cuối năm	85.000.000	85.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHẦN BÓN HÓA SINH****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

<b>8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Công trình Nhà máy phân NPK Phú Yên	10.795.594.633	10.795.594.633
- Công trình nhà kho, sân phơi	4.934.870.475	4.920.136.511
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.730.465.108</b>	<b>15.715.731.144</b>
<b>9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC</b>	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.578.195.000	1.578.195.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.578.195.000</b>	<b>1.578.195.000</b>
<b>11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng:		
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VND) (1)	176.200.000.000	154.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á (USD) (2)	19.523.550.000	108.543.050.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND)	51.360.000.000	20.300.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (VND)	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (USD)	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (VND)	-	22.536.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (USD)	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bình Định (VND)	62.792.000.000	69.696.100.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bình Định (USD) (3)	8.163.781.973	12.883.073.280
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương-CN Qui Nhơn (VND)	-	9.567.000.000
- Vay cá nhân (4)	155.718.680.000	152.610.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>473.758.011.973</b>	<b>550.435.223.280</b>

**Ghi chú :**

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,25%/tháng.

(2): Là các khoản tín dụng ngắn hạn bằng USD của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để trả các hợp đồng nhập khẩu, với thời hạn 9 tháng, lãi suất từ 5% đến 7,5%/năm. Tại thời điểm 30/06/2010 tổng dư nợ vay bằng USD là 1.050.000,00 USD.

(3): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn bằng USD của Công ty với Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Định dùng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu, với thời hạn là 09 tháng. Tại thời điểm 30/06/2010 tổng dư nợ vay bằng USD là 441.787,00 USD với lãi suất 7%/năm.

(4): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay mượn vốn với lãi suất 12%/năm.

16/08  
 CÔNG  
 PHA  
 TỔNG  
 PH  
 HC  
 CUC



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80.623.738.692</b>	<b>82.950.080.405</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.523.672.692</b>	<b>81.275.014.405</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	62.793.207.584	65.559.283.261
- Nguyên giá	222		107.534.831.349	106.925.948.622
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44.741.623.765)	(41.366.665.361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	15.730.465.108	15.715.731.144
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.003.195.000</b>	<b>1.578.195.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		425.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1.578.195.000	1.578.195.000
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>96.871.000</b>	<b>96.871.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.10	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.16	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273		96.871.000	96.871.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)</b>	<b>280</b>		<b>643.132.208.651</b>	<b>759.579.378.067</b>

10/30  
 CÔNG  
 PHÂN  
 HỢP  
 HOA  
 CÙ CHI

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>12.THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.744.148.556
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	962.713.835	656.609.814
Thuế thu nhập cá nhân	4.728.524	4.785.360
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>967.442.359</b>	<b>2.405.543.730</b>
<b>13.CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>		
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	210.104.355	3.895.001.569
- Lãi mua hàng trả chậm	2.553.576.615	2.553.576.615
- Tiền thuê mặt bằng	403.426.599	403.426.599
- Chiết khấu bán hàng	78.840.068	104.514.949
- Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.256.278.847</b>	<b>6.966.850.942</b>
<b>14.CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC</b>		
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- BHXH, BHYT, BHTN	(20.039.780)	(71.307.503)
- Kinh phí công đoàn	81.090.810	42.486.056
- Cổ tức phải trả	2.547.450.000	1.415.250.000
- Lãi vay phải trả	-	-
- Phải trả khác	299.601.114	449.415.878
- Nguồn quỹ	16.000.000	16.000.000
- Mượn vốn kinh doanh	8.720.801.661	1.714.547.894
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.644.903.805</b>	<b>3.566.392.325</b>

3733  
 CTY  
 VẬT TƯ  
 TỔNG HỢP  
 & PHÂN BÓN  
 HÓA SINH  
 TP.HỒ CHÍ MINH



**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	-	-	9.934.865.598	1.962.287.279	(506.475.814)	4.894.156.009	125.237.133.072
Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	16.029.972.154	16.029.972.154
Tăng khác	-	-	-	-	304.415.009	1.987.000.000	496.321.656	15.861.324.940	18.649.061.605
Giảm vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.392.524.898)	(6.466.053.344)	-	-	(43.017.753)	(20.743.144.050)	(28.644.740.045)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>8.952.300.000</b>	<b>(1.392.524.898)</b>	<b>(6.466.053.344)</b>	<b>10.239.280.607</b>	<b>3.949.287.279</b>	<b>(53.171.911)</b>	<b>16.042.309.053</b>	<b>131.271.426.786</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	7.468.200.730	7.468.200.730
Tăng khác	-	-	-	6.466.053.344	343.080.000	1.602.990.000	480.890.000	-	8.893.013.344
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(472.655.020)	(15.892.658.000)	(16.365.313.020)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>8.952.300.000</b>	<b>(1.392.524.898)</b>	<b>-</b>	<b>10.582.360.607</b>	<b>5.552.277.279</b>	<b>(44.936.931)</b>	<b>7.617.851.783</b>	<b>131.267.327.840</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2010		01/01/2010	
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	9.435.000.000	9,43%	9.435.000.000	9,43%
Vốn góp của các cổ đông	90.565.000.000	90,57%	90.565.000.000	90,57%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nh**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/201

**17. Vốn chủ sở hữu****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d) Cổ tức**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:		12%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 VND.		

**e) Cổ phiếu**

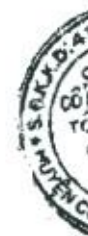
	Quý 2 Năm 2010	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	114.410	114.410
- Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: **10.000 VND/Cổ phiếu****f) Các quỹ của công ty**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.582.360.607	10.239.280.607
- Quỹ dự phòng tài chính	5.552.277.279	3.949.287.279
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(44.936.931)	(53.171.911)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	727.683.450	550.994.950

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị - đây chuyên công nghệ và để bổ sung vốn điều lệ của công ty.
- Quỹ đầu dự phòng tài chính: Nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của công ty.
- Quỹ khen thưởng: Chi khen thưởng cho đối tượng là người lao động trong công ty và các cá nhân, đơn vị có quan hệ công tác và đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quỹ phúc lợi: Chi xây dựng và sửa chữa các công trình phúc lợi, trợ cấp khó khăn, hiếu hĩ, nghỉ mát, điều dưỡng, tham quan, văn nghệ, bù đắp công tác phí cho người lao động thuộc công ty và cho cá nhân, tập thể không phải là người lao động trong công ty mà đã có quan hệ hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.





**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty Cổ phần VTTH và Phân bón Hóa sinh	170.602.764.925	716.795.657.080
- Công ty TNHH NM Phân bón NPK Phú Yên	18.774.911.523	183.387.970.252
<b>Tổng cộng</b>	<b>189.377.676.448</b>	<b>900.183.627.332</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	518.787.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>518.787.300</b>

**20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần về thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty Cổ phần VTTH và Phân bón Hóa sinh	170.602.764.925	716.276.869.780
- Công ty TNHH NM Phân bón NPK Phú Yên	18.774.911.523	183.387.970.252
<b>Tổng cộng</b>	<b>189.377.676.448</b>	<b>899.664.840.032</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán		
- Công ty Cổ phần VTTH và Phân bón Hóa sinh	146.652.067.669	652.680.027.715
- Công ty TNHH NM Phân bón NPK Phú Yên	17.349.396.764	168.068.513.406
<b>Tổng cộng</b>	<b>164.001.464.433</b>	<b>820.748.541.121</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	412.770.862
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	454.732.652	2.640.321.202
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.090.943
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.029.014	233.665.574
<b>Tổng cộng</b>	<b>518.761.666</b>	<b>3.347.848.581</b>

180  
NG  
AN  
TH  
AN  
OA  
TH

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Lãi vay	9.134.036.151	45.417.452.515
- Lãi trả chậm	-	15.315.583
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.216.702.501	4.397.176.819
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.350.738.652</b>	<b>49.829.944.917</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	596.991.897	1.144.286.339
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	383.427.988	330.070.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>980.419.885</b>	<b>1.474.356.874</b>

**Ghi chú:**

- Công ty mẹ bắt đầu áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN từ năm tài chính 2006. Được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động sản xuất phân bón (đến hết năm 2014); Được miễn thuế TNDN 02 năm (2006-2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (2008-2012).

- Công ty NPK Phú Yên bắt đầu áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN từ năm tài chính 2007; được miễn 100 % thuế TNDN trong 3 năm (2007 - 2009); được giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm kể từ năm 2010.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết toán của cơ quan thuế.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.757.635.165	16.029.972.154
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.921.649
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	279	1.616

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.407.504.809	428.740.554.313
Chi phí nhân công	2.245.052.820	11.034.824.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.770.648.785	6.931.074.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578.885.112	5.211.831.905
Chi phí khác bằng tiền	5.997.418.414	17.303.172.040
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.999.509.940</b>	<b>469.221.457.020</b>

133  
TƯ  
VÀ  
ÓN  
NH  
PH



**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

**27. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

	Quý 2 Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Chi phí tiền lương	132.000.000	634.437.000
- Thù lao	45.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>177.000.000</b>	<b>634.437.000</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Ông Huỳnh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)	Vay vốn	30.780.000.000
Ông Nguyễn Minh Phúc (Thành viên HĐQT)	Vay vốn	12.200.000.000

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



TRƯƠNG THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Giám đốc



ĐỖ VĂN NGỌC